

Số: 320/TB -BVT

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc mời báo giá mua sắm kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật

Kính gửi: Các tổ chức/cá nhân kinh doanh trang thiết bị y tế.

Thực hiện Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập và Công văn số 5888/BYT-TB-CT ngày 29/10/2020 của Bộ Y tế về hướng dẫn triển khai đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu mua sắm các trang thiết bị y tế như sau: Chi tiết **Phụ lục 1** đính kèm.

Đề nghị các tổ chức/cá nhân kinh doanh trang thiết bị y tế có khả năng cung cấp trang thiết bị y tế nêu trên báo giá, cung cấp các thông tin về hàng hóa theo mẫu tại **Phụ lục 2** kèm các tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật, phân loại, phân nhóm của hàng hóa.

- Phương thức nhận tài liệu: Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện và hộp thư điện tử.

- Thời hạn cung cấp thông tin: Trước 16 giờ 30 ngày 22/ 09/ 2022.

- Địa chỉ nhận thông tin:

+ Địa chỉ: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

+ Email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com

+ Bộ phận thường trực: Bà Đào Thị Thuý – Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;



Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK.



Nguyễn Bá Việt



PHỤ LỤC I
(Kèm theo Thông báo số 3220/TB - BVT ngày 15 tháng 09 năm 2022)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật báo giá (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chỉ thép liền kim các cỡ		Sợi	150
2	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, Polyamide (Nylon) hoặc Silk số 2/0, dài ≥ 75 cm		Sợi	3060
3	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, Polyamide (Nylon) hoặc Silk số 3/0, dài ≥ 75 cm		Sợi	7548
4	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, Polyamide (Nylon) hoặc Silk số 4/0, dài ≥ 75 cm		Sợi	2556
5	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, Polyamide (Nylon) hoặc Silk số 5/0, dài ≥ 75 cm		Sợi	2184
6	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, Polyamide (Nylon) hoặc Silk số 10/0, dài ≥ 30 cm		Sợi	324
7	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, Polyamide (Nylon) hoặc Silk số 0, dài ≥ 100 cm		Sợi	84
8	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene số 2/0, dài ≥ 90 cm		Sợi	96

9	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene số 3/0, dài ≥ 90 cm		Sợi	396
10	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene số 4/0, dài ≥ 90 cm		Sợi	1764
11	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene số 5/0, dài ≥ 90 cm		Sợi	564
12	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene số 6/0, dài ≥ 60 cm		Sợi	324
13	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene số 7/0, dài ≥ 60 cm		Sợi	300
14	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene số 8/0, dài ≥ 60 cm		Sợi	108
15	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene số 9/0, dài ≥ 30 cm		Sợi	36
16	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi, số 3/0, dài ≥ 70 cm		Sợi	2808
17	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi, số 4/0, dài ≥ 70 cm		Sợi	2160
18	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi, số 5/0, dài ≥ 70 cm		Sợi	108

19	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi số 0, dài $\geq 75\text{cm}$		Sợi	72
20	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi số 1/0, dài $\geq 90\text{cm}$		Sợi	7188
21	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi số 2/0, dài $\geq 75\text{cm}$		Sợi	7068
22	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi số 3/0, dài $\geq 75\text{cm}$		Sợi	2520
23	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi số 4/0, dài $\geq 75\text{cm}$		Sợi	696
24	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi số 6/0, dài $\geq 45\text{cm}$		Sợi	300
25	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi số 7/0, dài $\geq 45\text{cm}$		Sợi	48
26	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi số 8/0, dài $\geq 30\text{ cm}$		Sợi	96
27	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm chất liệu tự nhiên số 1/0, dài $\geq 75\text{cm}$		Sợi	624
28	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm chất liệu tự nhiên số 2/0, dài $\geq 75\text{cm}$		Sợi	84
29	Chỉ khâu liền kim tiêu nhanh đa sợi số 2/0, dài $\geq 90\text{cm}$		Sợi	1260
30	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các số		Cái	15100



PHỤ LỤC 2
BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ



Tên nhà thầu: Công ty
Địa chỉ liên hệ:
Điện thoại:
Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Văn bản số 220/TB-BVT ngày 15/9/2022 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh Về việc mời báo giá mua sắm kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật.
Chúng tôi (tên đơn vị.....) có địa chỉ tại: Xin gửi đến Quý Bệnh viện báo giá và thông tin của hàng hóa như sau:

STT	Tên hàng hóa	Tên Thương mại, Ký mã hiệu hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu.	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Hãng/nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nước cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Phân nhóm theo TT 14/2020	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất				Giá kê khai	Mã kê khai	Ghi Chú
														Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	Đơn vị ra quyết định			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

Ghi chú:

- (3) Công ty ghi đầy đủ ký mã hiệu hàng hoá.
(8) là giá trọn gói bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Bệnh viện.
(15) là giá trúng thầu đã được công khai trên cổng thông tin của Bộ Y tế.

....., ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]